

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lã Thị Huyền** (2009), Nghiên cứu tạo kháng thể tái tổ hợp kháng CD25 để ứng dụng trong y học. Luận án tiến sĩ.
2. **Claudia De Lorenzo, Angela Arciello, Rosanna Cozzolino, Donald B. Palmer, Paolo Laccetti, Renata Piccoli, and Giuseppe D'Alessio** (2004), "A Fully Human Antitumor ImmunoRNase Selective for ErbB-2-Positive Carcinomas". *Cancer res* 64 4870-4874.
3. **Fisher, R. I.** (2003), "Overview of non-Hodgkin's lymphoma: biology, staging, and treatment". *Seminars in oncology*. 30: 3 - 9.
4. **Fusion Protein Production** (2001), Stockinger Lab.
5. **Ginaldi, L., De Martinis, M., Matutes, E., Farahat, N., Morilla, R., Catovsky, D.** (1998), "Levels of expression of CD19 and CD20 in chronic B cell leukaemias". *Journal of clinical pathology* 51: 364-369.
6. **The leukemia and lymphoma Society**. Fighting blood cancer. Facts 2010-2011.

HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ U ỐNG TUYẾN MÔ HÔI BẰNG LASER CO₂

Đào Hoàng Thiên Kim*, Nguyễn Hữu Sáu*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh u ống tuyến mô hôi (UỐTMH) bằng laser CO₂. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thử nghiệm lâm sàng trên 38 bệnh nhân UỐTMH được điều trị bằng laser CO₂ với công suất phát 2-2,5W. Kết quả được đánh giá dựa trên sự cải thiện về lâm sàng (số lượng, mức độ phẳng, màu sắc tổn thương) và các biến chứng sau 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng điều trị. **Kết quả:** Sau 3 tháng điều trị, 97,4 % bệnh nhân BN đạt kết quả tốt và khá, 81,6 % BN hài lòng với kết quả điều trị. Đỏ da là tác dụng không mong muốn gặp trong 52,4 % trường hợp sau điều trị 2 tuần và 0% sau 3 tháng. Có 28,9 % có biểu hiện tăng sắc tố sau 1 tháng và 15,8% sau 3 tháng điều trị, chủ yếu ở những bệnh nhân có nước da thâm màu. Không có trường hợp nào bị giảm sắc tố hay sẹo xấu sau điều trị. **Kết luận:** Điều trị UỐTMH bằng laser CO₂ là 1 phương pháp có hiệu quả, và ít tác dụng phụ.

Từ khóa: u ống tuyến mô hôi, laser CO₂

SUMMARY

EVALUATION OF THE EFFICACY OF LASER CO₂ IN TREATMENT OF SYRINGOMAS

Objective: to evaluate the efficacy of laser CO₂ in the treatment of syringoma. **Patients and Methods:** Clinical trials on 38 patients suffering from syringoma treated by laser CO₂ with single pulse 0,1 sec duration at power 2-2.5W. The results was assessed by clinical improvements (number of lesions, surface, erythema) and complications after 2 weeks, 1 and 3 months of treatment. **Results:** After 3 months of treatment 97,4% of patients had good and

excellent results, 86,1% of patients satisfied themselves with the treatment. Erythema was observed in 52,4% of patients after 2 weeks of treatment and no patients had this complication after 3 months. Hyperpigmentation post- laser after 1 and 3 months of treatment were 28,9% and 15,8% of patients. Scarring or hypochromia did not occur in this series. **Conclusions:** Laser CO₂ appeared as an effective technique and less side-effects for the treatment of syringomas.

Key words: syringoma, carbon dioxide laser

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

U ống tuyến mô hôi (UỐTMH Syringoma) là u da lành tính do sự phát triển quá mức của các tế bào ống dẫn tuyến mô hôi [6]. Bệnh xuất hiện trên mọi chủng tộc và thường gặp ở nữ nhiều hơn nam. Bệnh tiến triển chậm, không truyền nhiễm nếu không điều trị. Dù không gây nguy hiểm nhưng UỐTMH lại làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống khiến người bệnh cảm thấy thiếu tự tin khi giao tiếp.

Nhiều phương pháp điều trị UỐTMH đã được áp dụng như đốt điện, phẫu thuật cắt bỏ, mài mòn da hoặc laser CO₂ ... Mỗi cách thức có những ưu, khuyết điểm riêng và kết quả còn tùy thuộc vào bác sĩ điều trị. Ở Việt nam, hầu hết các cơ sở y tế sử dụng laser CO₂ để điều trị UỐTMH. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá hiệu quả điều trị của phương pháp này.

* Trường Đại học Y Hà Nội

Phản biện khoa học: PGS.TS. Nguyễn Văn Thường

Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm mục đích: *Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh U ống tuyến mồ hôi bằng laser CO₂ tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ 10/2010 – 3/2011.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu: 38 BN nữ trên 15 tuổi được chẩn đoán UÔTMH tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ 10/2010 – 03/2011 được điều trị bằng laser CO₂ với công suất phát 2-2,5W, xung 0,1s.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: thử nghiệm lâm sàng.

- Kết quả được đánh giá sau điều trị 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng dựa và sự cải thiện lâm sàng và các biến chứng:

+ *Mức độ cải thiện về số lượng thương tổn:* theo tiêu chuẩn của Park HJ [4]. Tốt: giảm 80-100 % thương tổn. Khá: giảm 60 - <80% thương tổn. Trung bình: giảm 40 - <60% thương tổn. Kém: giảm 0 - < 40% thương tổn.

+ *Mức độ phẳng của thương tổn:* dựa vào tiêu chuẩn đánh giá của Goodman và Baron [3]. Độ 0: Không thấy thương tổn < 50cm. Độ 1: Thấy thương tổn <50cm nhưng không thấy ở > 50-100cm và có thể làm cho phẳng khi dùng tay kéo căng da. Độ 2: Thấy thương tổn ở > 50-100cm và bề mặt thương tổn vẫn không phẳng khi dùng tay kéo căng da. Độ 3: Thấy thương tổn ở >100cm.

+ *Mức độ cải thiện màu sắc của thương tổn:*
Tốt: Màu sắc vùng da bệnh trở về bình thường. Khá: Tăng hoặc giảm sắc tố có thể nhận thấy ở <50cm. Trung bình: Thấy tăng hay giảm sắc tố ở 50-100cm. Kém: thấy tăng hay giảm sắc tố ở >100cm.

+ Các tác dụng không mong muốn sau điều trị: đau, phù nề, đỏ da, nhiễm trùng, thay đổi sắc tố, sẹo xấu.

+ Sự hài lòng của người bệnh

3. Xử lý số liệu: theo phương pháp thống kê y học, các test thống kê được kiểm định với mức khác biệt được xem là có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ

1. Đánh giá kết quả chung theo thời gian

Bảng 1: Kết quả điều trị theo thời gian

Kết quả	Sau 1 tháng		Sau 3 tháng		p
	n	%	n	%	
Tốt	26	68,4	31	81,6	$p < 0,05$
Khá	8	21,1	6	15,8	$p > 0,05$
Trung bình	3	7,9	1	2,6	$p > 0,05$
Kém	1	2,6	0	0	$p > 0,05$
Tổng	38	100	38	100	

Nhận xét: Kết quả điều trị tốt và khá sau 3 tháng là 97,4% cao hơn sau 1 tháng là 89,5%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

2. Tác dụng không mong muốn sau điều trị

Bảng 2: Tác dụng không mong muốn sau điều trị (n=38)

Tác dụng	Sau 2 tuần		Sau 1 tháng		Sau 3 tháng	
	n	%	n	%	n	%
Đau rất	0	0	0	0	0	0
Phù nề	0	0	0	0	0	0
Đỏ da	22	52,4	4	10,5	0	0
Nhiễm trùng	0	0	0	0	0	0
Tăng sắc tố	0	0	11	28,9	6	15,8
Sẹo xấu	0	0	0	0	0	0

Nhận xét: Sau điều trị 2 tuần, có 22 BN gặp phải tình trạng đỏ da với tỷ lệ 52,4 %. Sau 1 tháng chỉ còn 4 BN (10,5%) bị đỏ da và sau 3 tháng điều trị không còn BN nào còn biểu hiện đỏ da. Có 11 BN (28,9 %) bị tăng sắc tố sau 1 tháng điều trị và sau 3 tháng vẫn còn 6 trường hợp (15,8%) có tình trạng này. Không có trường hợp nào bị đau kéo dài, nhiễm trùng hay có sẹo xấu sau điều trị.

Bảng 3: Ảnh hưởng của loại da trên kết quả tăng sắc tố sau điều trị (n= 38)

Type da	Sau 1 tháng điều trị		Sau 3 tháng điều trị	
	Tăng sắc tố n (%)	Không tăng sắc tố n (%)	Tăng sắc tố n (%)	Không tăng sắc tố n (%)
Loại III	2 (16,7)	10 (83,3)	0 (0)	12 (100)
Loại IV	7 (41,2)	17 (58,8)	4 (25,5)	20 (74,5)
Loại V	2 (100)	0 (0)	2 (100)	0 (0)

Nhận xét: Có 16,7% BN thuộc type da III và 41,2% BN thuộc type da IV có biểu hiện tăng sắc tố sau điều trị, trong khi cả 2 BN thuộc type V đều bị tăng sắc tố và biểu hiện này tồn tại kéo dài sau 3 tháng điều trị.

3. Đánh giá mức độ hài lòng của bệnh nhân

Bảng 4: Mức độ hài lòng của bệnh nhân với kết quả điều trị

Thời gian	2 tuần n (%)	1 tháng n (%)	3 tháng n (%)
Thái độ			
Hài lòng	23 (60,5)	29 (76,3)	31 (81,6)
Tương đối hài lòng	14 (36,8)	8 (21,1)	7 (18,4)
Không hài lòng	1 (2,7)	1 (2,6)	0
Tổng	38 (100)	8 (100)	38 (100)

Nhận xét: Tỷ lệ BN hài lòng với kết quả điều trị tăng theo thời gian. Hơn 80% trường hợp cảm thấy hài lòng sau 3 tháng điều trị.

IV BÀN LUẬN

Mục đích chung của tất cả các biện pháp đều nhằm loại bỏ thương tổn và đảm bảo thẩm mỹ, hạn chế tối đa các biến chứng điều trị. Hiện nay, có nhiều phương pháp điều trị UÔTMH. Mỗi biện pháp có những ưu, khuyết điểm riêng và kết quả điều trị cũng khác nhau tùy theo bác sĩ điều trị. Phẫu thuật cắt bỏ có thể để lại sẹo nên chỉ có thể áp dụng cho các trường hợp có diện tích nhỏ. Điều trị bằng Radio surgery, hiện nay, hầu như không còn được áp dụng do tính chất gây tổn thương sâu của dòng điện cao tần.

Từ những năm 1970, Laser (Light amplification stimulated emission of Radiation – ánh sáng khuếch đại cưỡng bức) đã được ứng dụng trong y học, đặc biệt trong điều trị các bệnh về sản khoa, tai mũi họng và các bệnh da. Laser CO₂ có bước sóng 10600 nm được hấp thu chủ yếu bởi nước. Khi chiếu chùm tia laser CO₂ vào tổ chức, nước trong tế bào nhanh chóng hấp thu năng lượng của chùm tia và chuyển thành dạng hơi, làm các tế bào bị phá vỡ. Với hiệu ứng như vậy, laser CO₂ được sử dụng như một lưỡi dao mổ lí tưởng ngoài tính ưu việt phẫu tích chính xác tổ chức cần cắt bỏ, ít gây tổn thương cho tổ chức xung quanh và được chỉ định điều trị tương đối rộng rãi các thương tổn u không phải là sắc tố của thượng bì, trong đó có UÔTMH trong những năm gần đây.

Trong 6 tháng có 38 BN nữ bị UÔTMH đồng ý tham gia nghiên cứu. So sánh kết quả điều trị sau 1 tháng và sau 3 tháng, chúng tôi thấy tỷ lệ đạt kết quả tốt và khá sau 3 tháng là 97,4 % cao hơn tỷ lệ đánh giá kết quả điều trị tốt sau 1 tháng là 89,5%. Sự khác biệt kết quả giữa hai thời điểm này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (Bảng 2). Tuy kết quả điều trị UÔTMH bằng laser CO₂ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trang thiết bị, kinh nghiệm của bác sĩ làm thủ thuật và tình trạng đáp ứng điều trị của BN nhưng nhìn chung kết quả của các tác giả trên thế giới đều ghi nhận kết quả tốt trong điều trị UÔTMH bằng laser CO₂. Castro DJ ghi nhận hiệu quả điều trị bệnh bằng laser CO₂ siêu xung với công suất 1J/cm², sau 1 tuần thương tổn bong vảy, không có hiện tượng phù nề hay đau sau điều trị. Đỏ da nhẹ giảm dần và mất hoàn toàn sau 1 tháng và không có bệnh nhân nào bị tái phát sau 2 năm theo dõi [1]. Một nghiên cứu khác của Park cũng cho thấy tất cả BN UÔTMH điều trị bằng laser CO₂ đều cho kết quả tốt [4].

Biểu hiện hay gặp nhất ngay sau điều trị bằng laser CO₂ là phù nề và tẩy đỏ. Hiện tượng này thường giảm và mất đi sau 7 đến 10 ngày. Trong số 38 BN của chúng tôi không có trường hợp nào còn phù nề sau 2 tuần điều trị. Việc hướng dẫn người bệnh chăm sóc tốt và sử dụng các sản phẩm chống phù nề sau điều trị đóng vai trò quan trọng, làm giảm nhanh hiện tượng phù

nề. Hiện tượng đỏ da và tăng sắc tố chủ yếu phụ thuộc vào type da của BN. 52,4% có biểu hiện đỏ da sau điều trị 2 tuần. Đây là biểu hiện thường gặp sau điều trị laser CO₂. Wang JI ghi nhận hầu hết các BN đều có biểu hiện đỏ da sau điều trị. Hiện tượng này giảm dần theo thời gian [5]. Nhiễm trùng là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây hạn chế kết quả điều trị. Chúng tôi không gặp trường hợp nào bị nhiễm khuẩn do đã hướng dẫn kỹ cho BN cách chăm sóc vết thương phù hợp và dùng thuốc kháng sinh dự phòng. Tăng sắc tố là biến chứng hay gặp phải sau điều trị bằng laser CO₂. Nghiên cứu của Wang báo cáo 10 % BN thuộc type da IV có biểu hiện tăng sắc tố và tình trạng này giảm sau 2-3 tháng [5]. Đánh giá mối liên quan giữa hiện tượng tăng sắc tố sau điều trị và type da của BN cho thấy 16,7% thuộc type da III và 41,2% thuộc type da IV có biểu hiện tăng sắc tố sau điều trị, trong khi cả 2 BN thuộc type V đều bị tăng sắc tố. Sau 3 tháng điều trị, không có trường hợp nào còn bị tăng sắc tố đối với nhóm da type III, 4 (25,5%) BN type IV và cả 2 BN type V vẫn còn hiện tượng tăng sắc tố sau 3 tháng. Điều đó chứng tỏ đối với người da trắng ít có biểu hiện tăng sắc tố sau viêm và có khả năng phục hồi tốt hơn so với người da thâm màu. Ngoài ra, phần lớn tình trạng tăng sắc tố sau điều trị trong nghiên cứu vốn là những người có công việc tiếp xúc thường xuyên với nắng như làm ruộng, khâu vá, phụ hồ... nhưng cũng có một phần là do BN không tuân thủ theo hướng dẫn, không có thói quen dùng kem chống nắng khi đi làm. Để phòng tránh cần đánh giá type da của BN để tư vấn cho họ trước khi điều trị và nhất thiết lưu ý vấn đề tránh nắng sau điều trị, đặc biệt là hướng dẫn sử dụng kem chống nắng đúng quy cách. Đối với những trường hợp có biến chứng như trên, chúng tôi nghĩ cần phải tư vấn cho người bệnh về tiến triển giảm dần theo thời gian của hiện tượng này. Nếu tình trạng tăng sắc tố kéo dài có thể dùng các thuốc ức chế sự tổng hợp sắc tố melanin. Frazier cũng báo cáo tình trạng tăng sắc tố trên BN Mỹ gốc Châu Phi. BN được sử dụng gel sáng da có 4% hydroquinone và 2% acid glycolic và tình trạng này biến mất sau 8 tháng điều trị [2].

Khảo sát sự hài lòng của BN chúng tôi thấy 81,6% hài lòng với kết quả điều trị sau 3 tháng. Sau 1 tháng điều trị vẫn còn 1 trường hợp không hài lòng do bị tăng sắc tố kéo dài và sau 3 tháng không còn BN nào không hài lòng với kết quả

điều trị. Cần lưu ý rằng sự hồi phục tổn thương sau laser CO₂ cũng phải có một khoảng thời gian ít nhất là từ 3 đến 4 tháng. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng việc tư vấn tác dụng phụ có thể gặp phải sau điều trị để BN yên tâm chờ đợi sự cải thiện của thương tổn là cần thiết.

V. KẾT LUẬN

Đánh giá hiệu quả điều trị 38 BN bị UÔTMH bằng laser CO₂ tại Bệnh viện Da liễu Trung ương, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- 97,4% bệnh nhân đạt kết quả tốt và khá.

81,6% hài lòng với kết quả sau 3 tháng điều trị.

52,4% các trường hợp có biểu hiện đỏ da ngay sau điều trị. Tình trạng này hết hoàn toàn sau 3 tháng điều trị.

15,8% có biểu hiện tăng sắc tố sau điều trị, chủ yếu ở những người có nước da thâm màu. Không có trường hợp nào bị giảm sắc tố hay sẹo xấu sau điều trị.

Điều trị UÔTMH bằng laser CO₂ là một phương pháp có hiệu quả, ít tác dụng phụ. Cần chăm sóc tốt để tránh nhiễm khuẩn và sử dụng kem chống nắng đúng quy cách nhằm phòng tránh hiện tượng tăng sắc tố sau điều trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Castro DJ, Tartell PB, Soudant J, Saxton RE.** (1993), "The surgical management of facial syringomas using the superpulsed CO₂ laser", *J Clin Laser Med Surg*, 11, pp. 33-37.
2. **Frazier CC, Camacho AP, Cockerell CJ.** (2001), "The treatment of eruptive syringoma in a African American patient with a combination of trichloroacetic acid and CO₂ laser destruction", *Dermatol Surg*, 27, pp. 489-492.
3. **Goodman GJ, Baron JA.** (2001), "Post acne scarring: A qualitative global scarring grading system". *Dermatol Surg Am Acad Dermatol*, 45, pp 109-17.
4. **Park HJ, Lee DJ, Lee HJ, Yang JM, Lee FS, Kim WS.** (2007), "The treatment of syringomas by CO₂ Laser using a Multiple-Drilling method", *Dermatol Surg*, 33, pp. 310- 313.
5. **Wang JI, Roenigk HH.** (1999), "Treatment of multiple facial syringomas with the carbon dioxide laser", *Dermatol Surg*, 25, pp.136-139.
6. **Wolff K, Johnson RA, Surrmond D.** (2005), "Syringoma", *Fitzpatrick's color Atlas and Synopsis of clinical Dermatology*, Fifth ed, The Mc Graw-Hill companies, pp. 212-213.